

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 14 - 12 - 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Nguyễn Đình Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích Đ; sinh năm 2003; Nơi ĐKKHKT: Xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn T; sinh năm 1994; Nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích Đ trình bày:

Chị và anh Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 15 tháng 8 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 15/04/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 13/08/2021. Hiện con chung đang ở cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp anh T có nguyện vọng được nuôi con chung thì chị cũng đồng ý và nhận cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/11/2022, tại bản tự khai, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị Bích Đ vào năm 2021 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ tháng 4 năm 2022 thì chị Trần Thị Bích Đ tự ý bỏ nhà đi không có lý do. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị Đ trình bày. Hiện con chung đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Về tài chung, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### ***Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại một số buổi triệu tập của Tòa án, tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị Đ, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Bích Đ.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 13/08/2021. Buộc chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại một số buổi triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị Bích Đ và anh Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 04/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nữa.

Việc chị Đ có đơn xin ly hôn, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đ và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị Đ xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung:

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Vợ chồng chị Đ, anh T có 01 con chung là Trần Hải Y, sinh ngày 13/08/2021. Hiện con chung đang ở cùng với anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Chị Đ trình bày nếu anh T có nguyện vọng nuôi con chị cũng đồng ý và đồng ý cấp dưỡng.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#): “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, chị Đ tự ý bỏ đi, bỏ lại cháu Y mới được 06 tháng tuổi cho anh T nuôi dưỡng. Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của [Luật Hôn nhân và gia đình](#) quy định “Con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, nhưng chị Đ đã không nuôi cháu Y từ khi cháu Y được 04 tháng tuổi. Hiện tại, cháu Y đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, nếu giao cháu Y cho chị Đ nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Mặt khác, trong đơn khởi kiện, chị Đ đã trình bày quan điểm không có yêu cầu nuôi con chung; Trong bản tự khai, chị Đ có đề nghị sau khi ly hôn có nguyện vọng được nuôi con chung. Trường hợp anh T có nguyện vọng được nuôi con chung thì chị cũng đồng ý và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung cần cần giao con chung của vợ chồng cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc T đang bị Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Đánh bạc” nhưng đến khi xét xử sơ thẩm, chưa có thông tin về việc anh T bị kết án. Nếu chị Đ có đủ căn cứ cho rằng anh T không còn đủ điều kiện nuôi con chung, thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng của anh T: HĐXX thấy có căn cứ, chị Đ cũng nhất trí nên cần buộc chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Bích Đ và anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng con chung Trần Hải Y, sinh ngày 13/08/2021. Chị Trần Thị Bích Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 12/2022 đến khi cháu Trần Hải Y thành niên, có khả năng lao động, tự lập được.

Hiên tại cháu Trần Hải Y đang ở cùng với anh Trần Văn T. Chị Trần Thị Bích Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị Bích Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002084 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Đ còn phải nộp 300.000đ.

4. Trần Thị Bích Đ và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**